

CPI có thể tăng nhẹ trong tháng 10 do giá dầu

Vũ Việt Linh
Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong tháng 9, CPI tổng thể tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,63% (so với tăng 3,45% trong tháng 8/2024). Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn ở mức thấp là 2,54%. Trong 9 tháng đầu năm 2024, lạm phát tổng thể tăng 3,88% trong khi lạm phát cơ bản tăng 2,69%.
- HSC dự báo CPI tháng 10 sẽ tăng nhẹ lên 2,92% do giá dầu thô có khả năng hồi phục trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông leo thang. Chúng tôi giữ nguyên dự báo CPI năm 2024 bình quân ở mức 3,8% sau đó hạ nhiệt xuống 3,4% trong năm 2025.
- Chúng tôi dự báo đợt tăng mạnh gần đây của giá thép Trung Quốc, do các biện pháp kích cầu mạnh mẽ, sẽ tác động hạn chế tới CPI Việt Nam do (1) giá thép chỉ tăng mạnh trong ngắn hạn và (2) vật liệu xây dựng chỉ đóng góp 2% trong giỏ CPI.

CPI tiếp tục giảm trong tháng 9/2024, đúng như dự báo

Trong tháng 9/2024, CPI tổng thể tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,63% so với cùng kỳ (so với dự báo của chúng tôi là tăng 2,73% so với cùng kỳ) chủ yếu do (1) nhóm giao thông đóng góp giảm nhiều hơn do giá nhiên liệu giảm và (2) mức nền cao hơn. Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn ở mức thấp là 2,54% so với cùng kỳ, tháng thứ 10 liên tiếp ở dưới mức 3%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, lạm phát tổng thể tăng 3,88% so với cùng kỳ trong khi lạm phát cơ bản tăng nhẹ hơn ở mức 2,69% so với cùng kỳ.

HSC giữ nguyên dự báo CPI năm 2024 bình quân ở mức 3,8%

HSC dự báo CPI sẽ tăng nhẹ 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10 do giá dầu thô có khả năng sẽ phục hồi trong bối cảnh căng thẳng ở khu vực Trung Đông leo thang. Chúng tôi duy trì dự báo CPI tổng thể năm 2024 bình quân ở mức 3,8%, trước khi hạ nhiệt xuống 3,4% trong năm 2025.

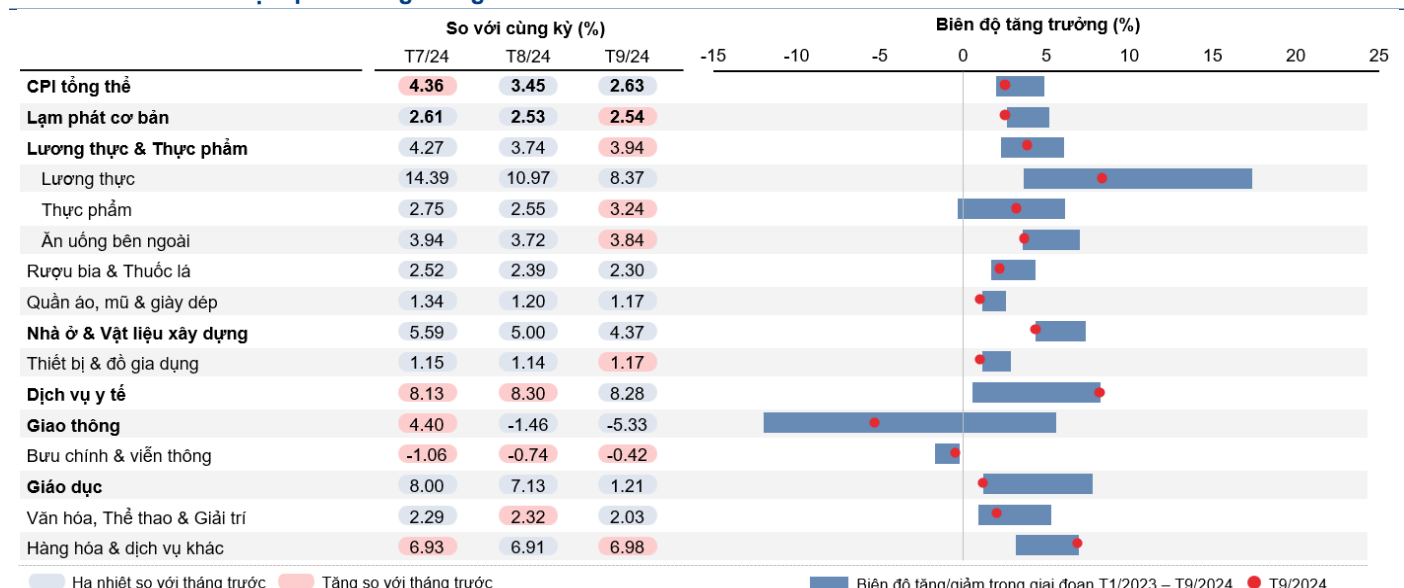
Giá thép Trung Quốc tăng mạnh gần đây tác động hạn chế tới CPI

Trong tháng 9/2024, Trung Quốc đã công bố các chính sách hỗ trợ tài khóa & kích thích tiền tệ mạnh mẽ để vực dậy thị trường BĐS đang gặp nhiều khó khăn. Những nỗ lực này đã giúp giá bán các sản phẩm thép chính ở Trung Quốc hồi phục, bao gồm thép thanh và thép cuộn cán nóng.

Trong quá khứ, giá thép Trung Quốc có một số tương quan với chi phí vật liệu xây dựng nhà ở của Việt Nam (đóng góp 2% trong giỏ CPI). Tuy nhiên, HSC cho rằng giá thép của Trung Quốc không có nhiều dư địa tăng giá trong trung hạn do nhu cầu trong nước vẫn ảm đạm trong bối cảnh thị trường BĐS đang gặp khó khăn. Do đó, chúng tôi cho rằng khó có thể xuất hiện một xu hướng tăng giá bền vững trong dài hạn cho tới khi hoạt động xây dựng nhà ở hồi phục. Các nhà hoạch định chính sách cũng có thể hướng tới mục đích giảm lượng nhà ở tồn kho chưa bán được (để hỗ trợ giá bán) bằng cách trì hoãn việc xây dựng nhà mới, điều này có thể làm chậm hơn nữa tốc độ phục hồi của hoạt động xây dựng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/10.

Biểu đồ 1: Diễn biến lạm phát trong tháng 9/2024



Nguồn: GSO, HSC

CPI tiếp tục giảm trong tháng 9, đúng như dự báo

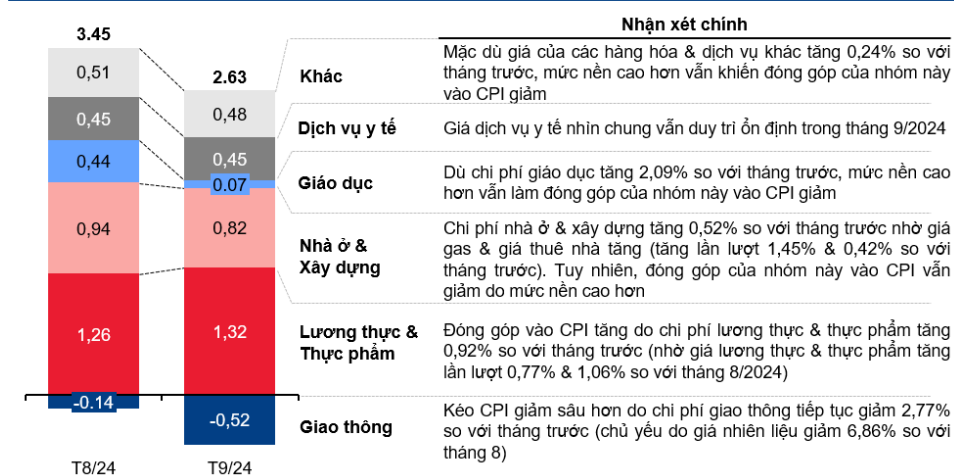
Trong tháng 9/2024, CPI tổng thể tiếp tục hạ nhiệt xuống 2,63% so với cùng kỳ (so với mức 3,45% so với cùng kỳ trong tháng 8) chủ yếu do (1) nhóm giao thông đóng góp giảm nhiều hơn do giá nhiên liệu giảm và (2) mức nền cao hơn (Biểu đồ 2).

Trong khi đó, lạm phát cơ bản vẫn ở mức thấp là 2,54% so với cùng kỳ, tháng thứ 10 liên tiếp ở dưới mức 3% (Biểu đồ 3).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, lạm phát tổng thể tăng 3,88% so với cùng kỳ (sát với dự báo cả năm 2024 ở mức 3,8%) trong khi lạm phát cơ bản tăng nhẹ hơn ở mức 2,69% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 2: Đóng góp vào CPI tổng thể (% so với cùng kỳ)

Trong T9, CPI tổng thể giảm đáng kể còn 2,63% svck (so với 3,45% svck trong T8)

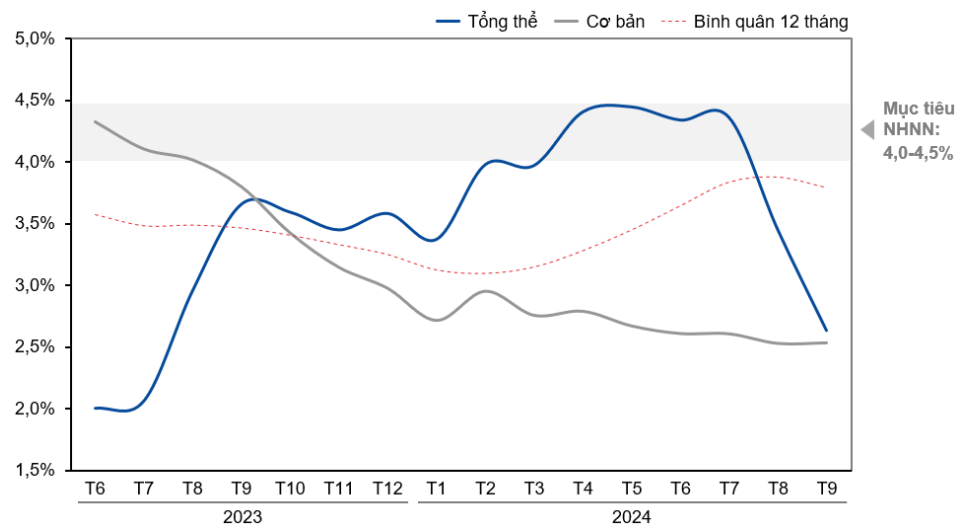


Nguồn: GSO, HSC

CPI thực tế trong tháng 9 thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 2,73%, chủ yếu do chi phí giao thông thấp hơn dự báo (Mời xem: [Sức ép lạm phát không đáng kể khi Fed hạ lãi suất](#), ngày 17/9/2024, HSC).

Biểu đồ 3: Xu hướng CPI tổng thể & CPI cơ bản (% so với cùng kỳ)

CPI tổng thể & lạm phát cơ bản đều giảm sâu hơn mục tiêu của NHNN



Nguồn: GSO, HSC

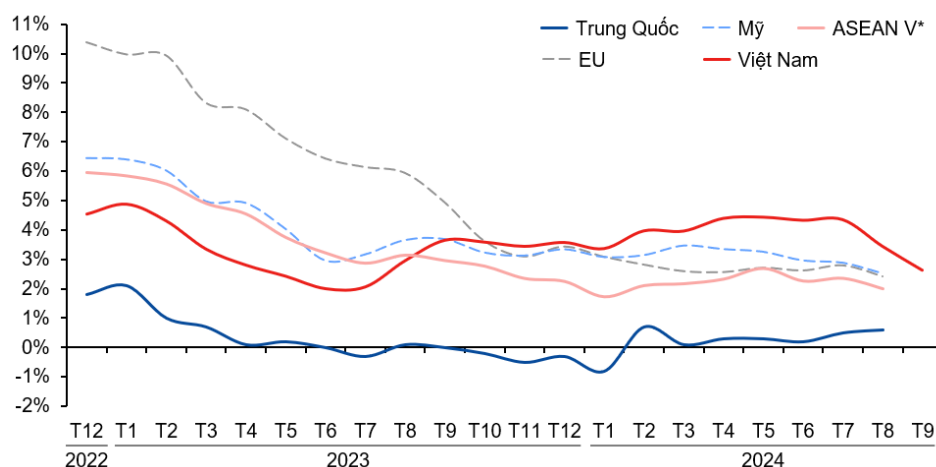
Xu hướng chuyển dịch sang nói lỏng tiền tệ & lạm phát giảm tiếp diễn trên toàn cầu

Xu hướng lạm phát giảm vẫn tiếp diễn trên toàn cầu. Ở Mỹ và EU lạm phát tổng thể tháng 8 hạ nhiệt xuống lần lượt 2,53% và 2,43% so với cùng kỳ, mức thấp nhất lần lượt kể từ tháng 2/2021 và tháng 6/2021 (Biểu đồ 4).

Nhờ lạm phát giảm, xu hướng nói lỏng tiền tệ trên toàn cầu đã trở nên đồng bộ (Biểu đồ 5). Trong tháng 9, Fed đã cắt giảm mạnh 50 điểm cơ bản lãi suất điều hành để bắt đầu chu kỳ nói lỏng. Trong khi đó, lãi suất điều hành ở Thụy Điển, Thụy Sĩ, Canada và khu vực Eurozone cũng giảm thêm 25 điểm cơ bản (Mời xem Biểu đồ 16 trong phần Phụ lục).

Biểu đồ 4: CPI tổng thể trong khu vực (% so với cùng kỳ)

CPI của Việt Nam vẫn nằm trong biên độ mục tiêu của NHNN & không nhiều khả năng sẽ cản trở sự phát triển kinh tế

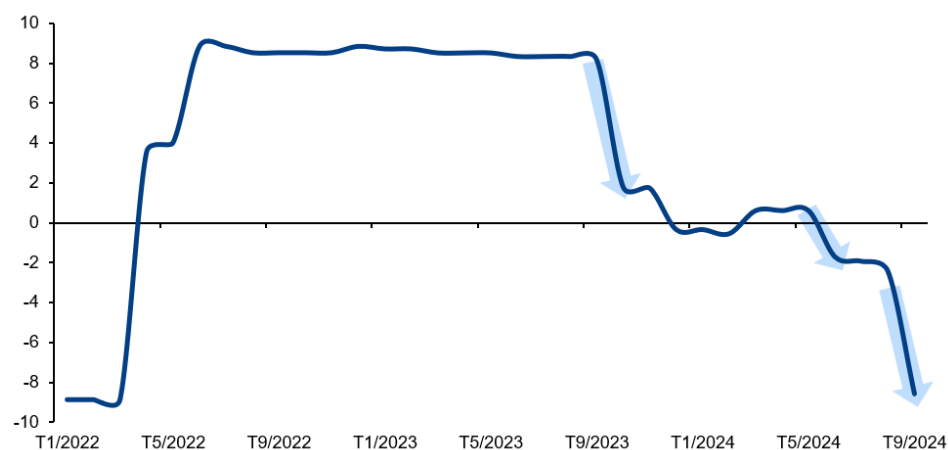


Nguồn: GSO, CEIC, HSC
* ASEAN V = Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Philippines

Biểu đồ 5: Chỉ số Global Monetary Policy*

Chỉ số giảm xuống mức -8,6 trong tháng 9/2024, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2022

Chỉ số Global Monetary Policy bao gồm số liệu từ 54 quốc gia. Biên độ chỉ số dao động từ -10 đến 10, trong đó -10 cho thấy tất cả các quốc gia đang nói lỏng và 10 cho thấy tất cả các quốc gia đang thắt chặt. Để xác định chỉ số, lập trường chính sách tiền tệ của mỗi quốc gia sẽ có trọng số dựa trên tỷ trọng đồng tiền trong dự trữ ngoại hối toàn cầu



Nguồn: Hội đồng Quan hệ Đối ngoại, HSC

HSC giữ nguyên dự báo CPI năm 2024 bình quân ở mức 3,8%

HSC dự báo CPI tăng 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10 (so với tăng 2,63% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024) (Biểu đồ 6). Giả định chính của chúng tôi như sau:

- Chi phí giao thông có thể hồi phục so với tháng trước trong tháng 10 do giá dầu thô hồi phục trong bối cảnh căng thẳng leo thang ở Trung Đông (Mời xem: [Middle East tensions: Oil prices at risk of further increases](#), tháng 10, Euro News).
- Chi phí lương thực & thực phẩm dự kiến vẫn ổn định trong tháng 10. Động thái gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo gần đây ở Ấn Độ có thể giúp giá lương thực giảm xuống (Mời xem: [India ends non-basmati rice export ban](#), tháng 10, World Grain) từ đó bù đắp phần tăng lên của chi phí thực phẩm & ăn uống bên ngoài.
- Chi phí nhà ở & xây dựng, y tế & giáo dục được kỳ vọng vẫn sẽ ổn định trong tháng 10.

CPI có thể sẽ tăng tốc vào tháng 11 và tháng 12 do (1) giá lương thực & thực phẩm tăng lên do tiêu dùng bước vào mùa cao điểm, (2) giá dầu tiếp tục hồi phục từ mức nền thấp và (3) giá điện & y tế điều chỉnh tăng (Biểu đồ 7).

HSC giữ nguyên dự báo CPI tổng thể năm 2024 bình quân ở mức 3,8% sau đó hạ nhiệt xuống 3,4% trong năm 2025.

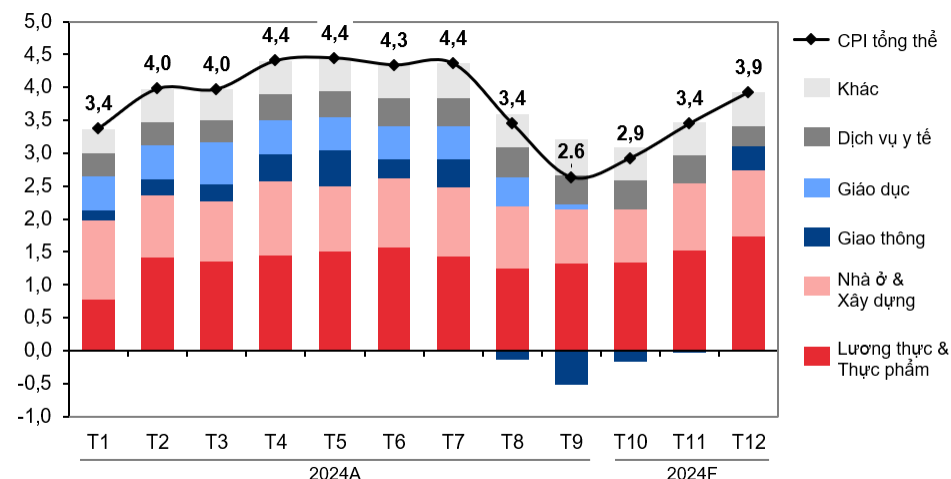
Biểu đồ 6: Dự báo đóng góp vào CPI tổng thể trong tháng 10 (% so với cùng kỳ)
HSC dự báo CPI tổng thể sẽ tăng lên 2,92% so với cùng kỳ trong tháng 10/2024



Nguồn: GSO, HSC

Biểu đồ 7: Đóng góp hàng tháng vào CPI tổng thể (% so với cùng kỳ)

CPI có thể sẽ tiếp tục tăng lên 3,4% & 3,9% so với cùng kỳ trong tháng 11 & tháng 12



Nguồn: GSO, HSC

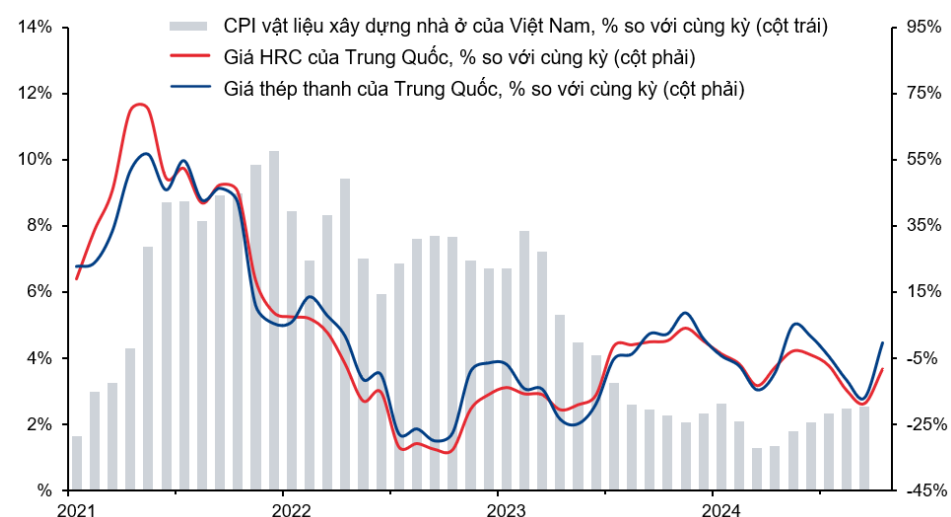
Giá thép Trung Quốc tăng lên chỉ tác động hạn chế lên CPI

Trong T9/2024, Trung Quốc công bố chính sách nới lỏng tiền tệ mạnh nhất từ đại dịch COVID-19, tập trung vào hỗ trợ thị trường nhà ở như giảm yêu cầu thanh toán trước (Mời xem: [China's 2024 stimulus compares with past packages](#), tháng 10, SCMP). Ngoài ra, các biện pháp kích thích tài khóa cũng được công bố để giải quyết khó khăn của thị trường BĐS, hạn chế nguồn cung nhà ở mới và nới lỏng điều kiện mua nhà (Mời xem: [China's Politburo Supercharges Stimulus With Housing](#), T10, Bloomberg).

Những nỗ lực này đã cải thiện triển vọng tiêu dùng và giúp giá bán một số sản phẩm thép của Trung Quốc bật tăng, bao gồm thép thanh & thép cuộn cán nóng (đều tăng khoảng 10% kể từ cuối T9) (Biểu đồ 8). Trong quá khứ, giá thép Trung Quốc có tương quan nhất định với chi phí vật liệu xây dựng của Việt Nam (chiếm khoảng 2% giỏ CPI).

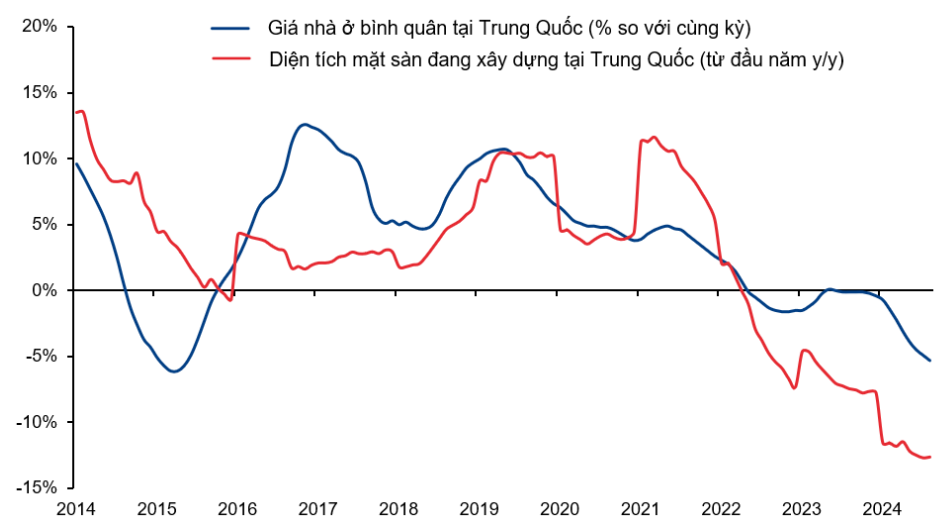
Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng giá thép Trung Quốc không có nhiều dư địa tăng trong trung hạn do nhu cầu trong nước vẫn ảm đạm trong bối cảnh thị trường BĐS gặp khó khăn. Do đó, giá thép khó có thể tăng bền vững cho tới khi hoạt động xây dựng nhà ở đã hồi phục. Ngoài ra, Trung Quốc có thể thực hiện giảm tồn kho nhà ở (để hỗ trợ giá bán) bằng cách trì hoãn xây dựng nhà mới. Điều này có thể làm chậm hơn nữa tốc độ phục hồi của hoạt động xây dựng (Biểu đồ 9).

Biểu đồ 8: Giá thép Trung Quốc & chỉ số CPI vật liệu xây dựng nhà ở của Việt Nam
Chi phí vật liệu xây dựng nhà ở chiếm khoảng 2% tổng CPI của Việt Nam



Nguồn: GSO, Bloomberg, HSC

Biểu đồ 9: Hoạt động xây dựng nhà ở & giá nhà tại Trung Quốc
Hoạt động xây dựng & giá nhà ở tại Trung Quốc vẫn duy trì xu hướng giảm

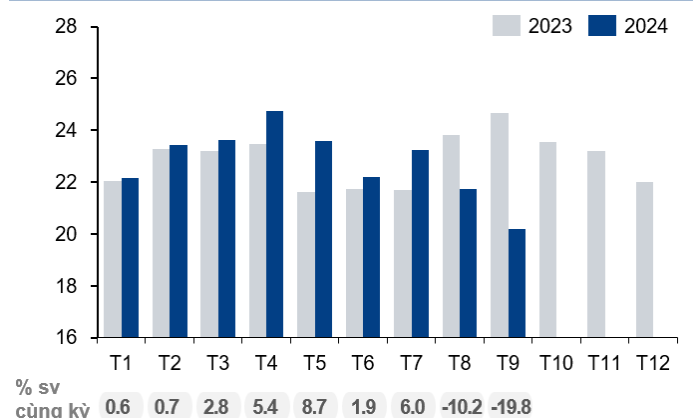


Nguồn: CEIC, Reuters, HSC

Phụ lục

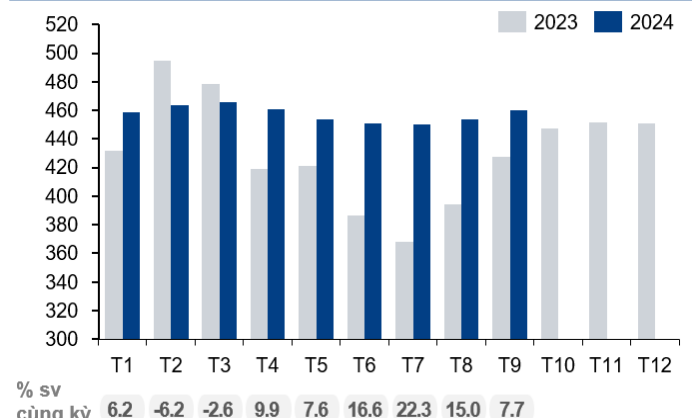
Diễn biến giá của hàng hóa & dịch vụ chính

Biểu đồ 10: Giá xăng dầu trong nước (nghìn đồng/lít)



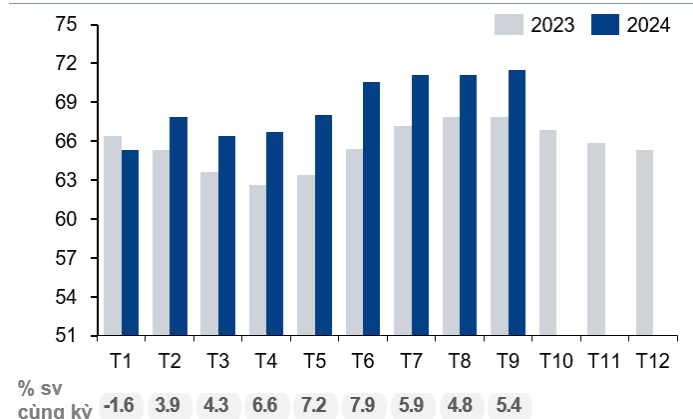
Nguồn: MOIT, HSC

Biểu đồ 11: Giá LPG trong nước (nghìn đồng/bình 12 kg)



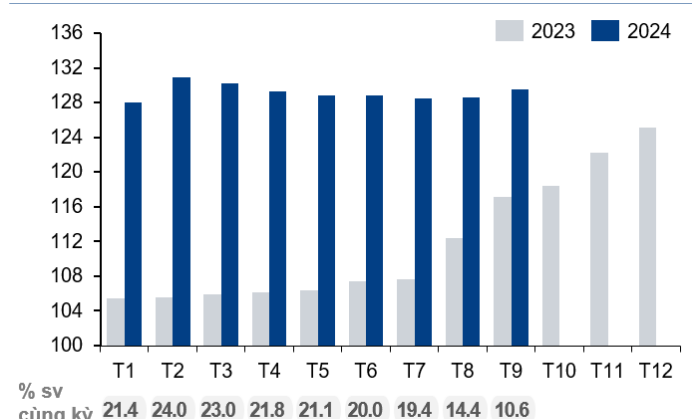
Nguồn: GSO, HSC

Biểu đồ 12: Giá thịt lợn bán lẻ trong nước (nghìn đồng/kg)



Nguồn: MARD, HSC

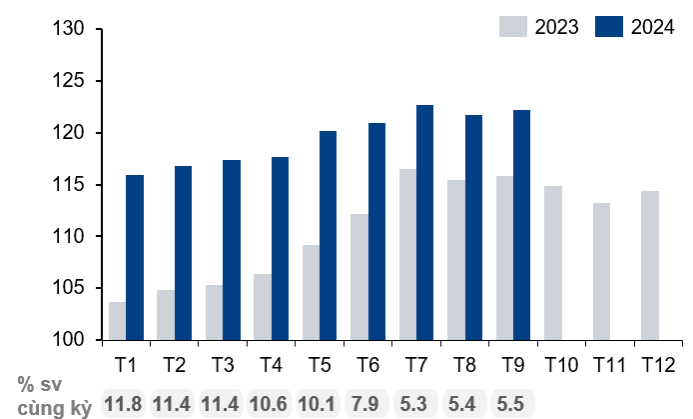
Biểu đồ 13: Chỉ số giá thịt lợn bán lẻ trong nước (T12/20 = 100)



Nguồn: MARD, HSC

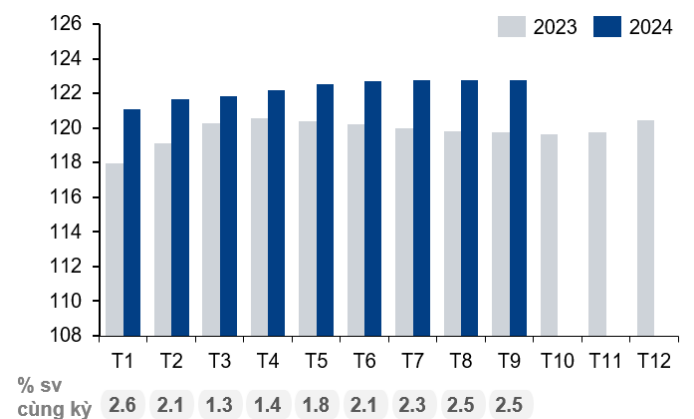
Diễn biến giá của hàng hóa & dịch vụ chính (tiếp)

Biểu đồ 14: Chỉ số giá điện bán lẻ (T12/20 = 100)



Nguồn: GSO, HSC

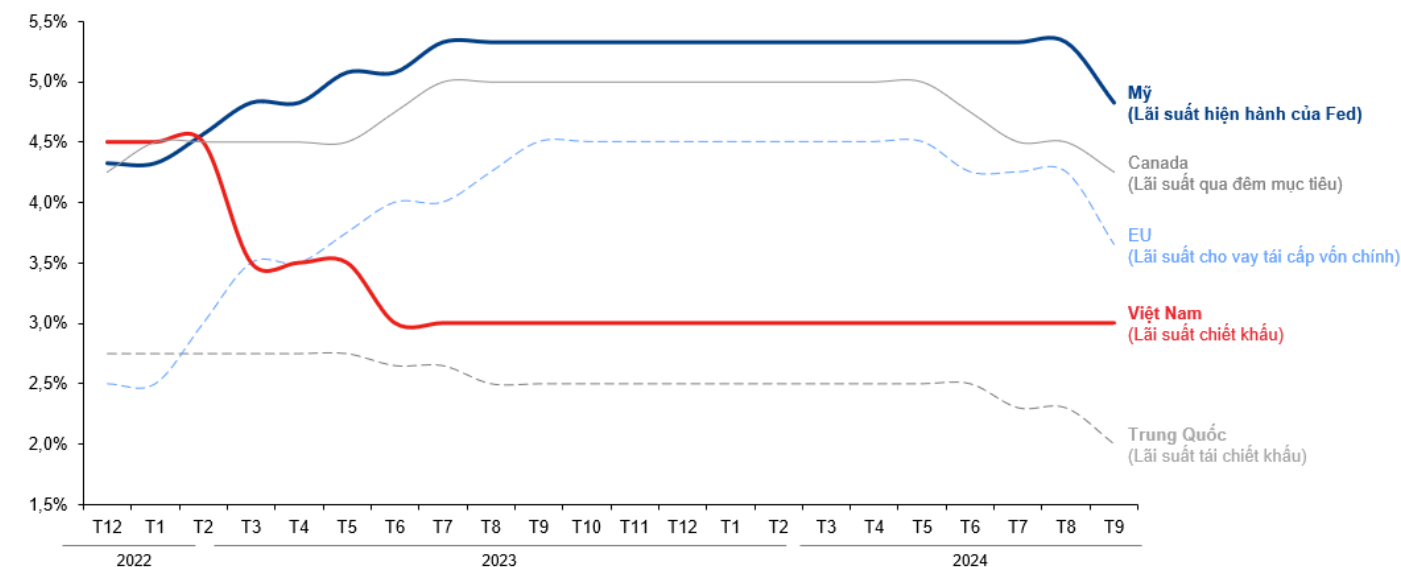
Biểu đồ 15: Chỉ số giá vật liệu xây dựng (T12/20 = 100)



Nguồn: GSO, HSC

Lãi suất điều hành trong khu vực

Biểu đồ 16: So sánh lãi suất điều hành của Việt Nam & một số quốc gia trong khu vực

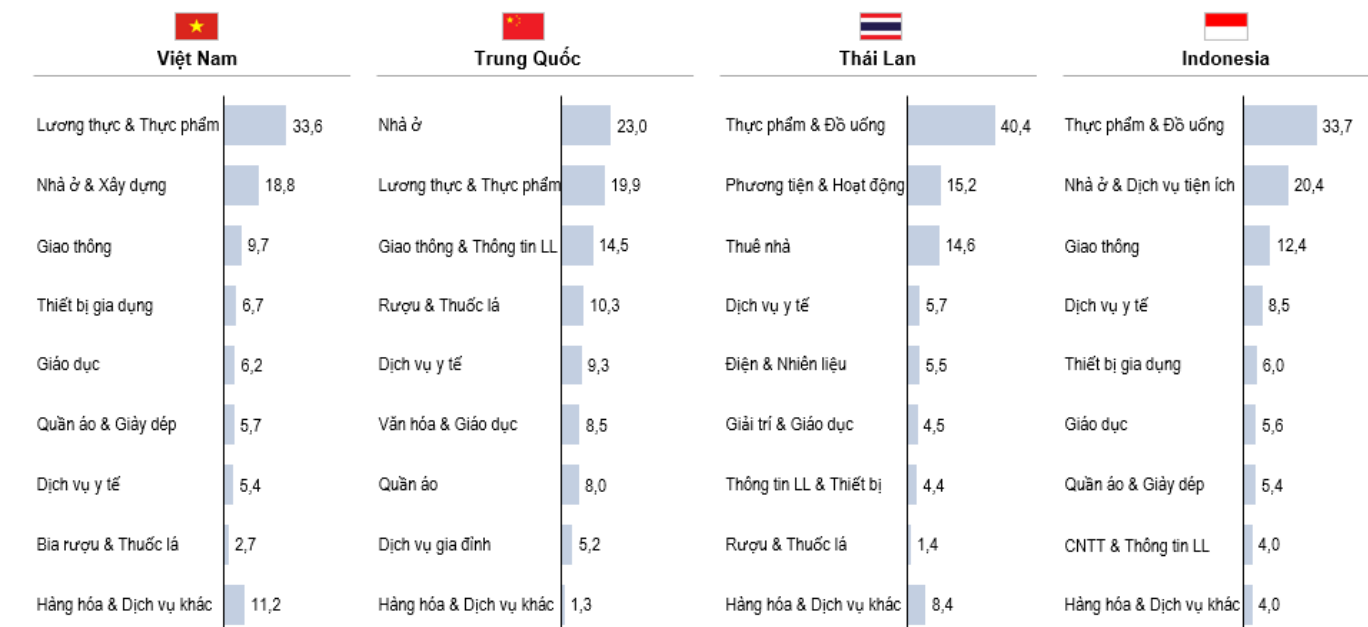


Nguồn: CEIC, HSC

Tóm tắt tình hình lạm phát trong khu vực

Biểu đồ 17: So sánh tỷ trọng của từng nhóm ngành trong tổng CPI giữa Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực

Tỷ trọng CPI, %



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 18: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.68	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	454	503	553
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,487	4,922	5,371
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.40	4.97	4.52
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	39.9	39.0	38.2
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.7	36.1	35.5
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.53	2.80	2.56
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.1	141.8	146.1
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.6	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	166	181	196
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.0	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn